

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

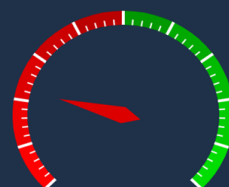
PSI DAILY REPORT

TỔNG HỢP: **BẮN MẠNH**

Đường trung bình: **BẮN** Mua (4) Bán (8)

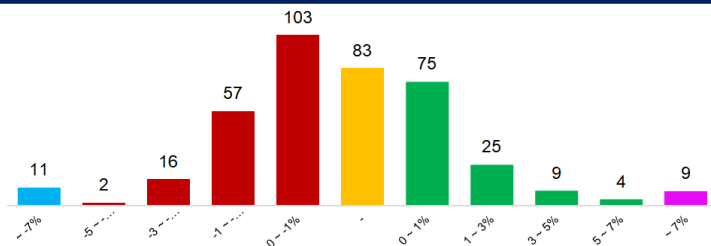
Chỉ số kỹ thuật: **BẮN MẠNH** Mua (0) Bán (6)

* Dữ liệu được tính toán tự động theo thời gian thực



10/12/2025	HSX	HNX	UPCOM
Chỉ số Index	1,718.98	256.48	119.45
Tăng/ giảm điểm	▼ -28.19	▼ -0.66	▼ -0.23
KLGD (triệu CP)	647	45	32
GTGD (tỷ VNĐ)	19,904.2	827.9	540.3
Khối ngoại (tỷ VNĐ)	-367.7	9.7	-10.2

ĐỘ RỘNG SÀN HSX



HIỆU SUẤT CÁC NHÓM NGÀNH 10/12

Ngành	Tăng/Giảm %	Đóng góp Index
Ngân hàng	0.54%	3.07
Dịch vụ tài chính	0.71%	0.61
Điện, nước & xăng dầu khí	0.71%	0.46
Tài nguyên Cơ bản	0.70%	0.38
Truyền thông	-0.06%	-
Ô tô và phụ tùng	-0.09%	0.01
Y tế	-0.37%	0.03
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.82%	0.11
Bảo hiểm	-1.15%	0.14
Dầu khí	-0.50%	0.15
Hóa chất	-0.32%	0.15
Thực phẩm và đồ uống	-0.27%	0.27
Xây dựng và Vật liệu	-0.89%	0.30
Công nghệ Thông tin	-1.24%	0.51
Bán lẻ	-1.38%	0.52
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.32%	1.51
Du lịch và Giải trí	-3.78%	3.32
Bất động sản	-5.17%	25.03

BIỂU ĐỒ KỸ THUẬT



*Hỗ trợ gần nhất: 1,685 - 1,700 điểm
**Kháng cự gần nhất: 1,740 - 1,750 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NGÀY

VN-Index tạo cây nến giảm mạnh với thân dài và bóng dưới ngắn, phản ánh áp lực bán áp đảo hoàn toàn lực cầu trong phiên. Xu hướng ngắn hạn đã chuyển sang điều chỉnh rõ rệt khi chỉ số giảm mạnh từ vùng cận trên của Bollinger Bands và các chỉ báo động lượng như RSI, Stoch RSI bắt đầu suy yếu. Vùng hỗ trợ quan trọng trong ngắn hạn nằm tại khu vực 1.700–1.720 điểm, trong khi vùng kháng cự gần nhất là 1.740–1.755 điểm. Dòng tiền suy yếu đáng kể cho thấy tâm lý thị trường đang trở nên thận trọng hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

PSI DAILY REPORT

GIÁ TRỊ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA/BÁN RÒNG (TỶ)



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ CỔ PHIẾU NGẮN HẠN

Mã	Giá mua	Giá cắt lỗ	Giá mục tiêu	%LN	Trạng thái
ACB	24.70	23.00	27.70	-2.43%	Nắm giữ
HPG	26.50	24.70	29.70	0.57%	Nắm giữ

CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

VIỆT NAM TRONG “CƠN LỐC” THUẾ ĐỐI ỨNG 46% >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo Chiến lược đầu tư 2025 - Kỳ nguyên vẹn mình >>> [Xem tại đây](#)

CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI 2.0: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo triển vọng giá dầu và cổ phiếu dầu khí 2024 - 2025 >>> [Xem tại đây](#)

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH ĐẦU TƯ CÔNG >>> [Xem tại đây](#)

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ

Mã cổ phiếu	Tăng trưởng doanh thu			Tăng trưởng lợi nhuận			KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024	2022	2023	2024					
BID	20%	0%	3%	69%	20%	17%	7,210,938	17.60%	0.91%	11.49	1.89
MBB	37%	7%	6%	37%	16%	9%	29,971,678	21.36%	2.13%	9.26	1.85
CTG	14%	11%	18%	19%	18%	27%	9,397,336	19.97%	1.24%	9.24	1.71
ACB	24%	6%	11%	43%	17%	5%	15,975,150	20.17%	1.96%	8.91	1.73
SHB	13%	10%	10%	54%	-5%	27%	85,528,584	18.34%	1.43%	7.78	1.35
HDB	30%	23%	39%	27%	26%	28%	23,798,999	25.21%	2.02%	8.12	1.87
MSB	34%	10%	11%	14%	1%	19%	19,606,359	13.65%	1.60%	8.90	1.15
STB	43%	29%	11%	48%	53%	31%	12,981,945	20.70%	1.54%	9.40	1.82
PVT	21%	6%	23%	39%	6%	20%	4,132,282	13.86%	5.45%	7.86	1.05
QNS	13%	21%	2%	3%	70%	9%	229,837	21.22%	14.78%	8.26	1.73

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã cp	Tỷ suất cổ tức			Nợ vay tài chính /VCSH	KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024						
DCM	6%	9%	6%	0.13	3,869,502	14.74%	9.16%	12.55	1.77
DPM	15%	22%	6%	0.31	3,793,607	4.25%	2.87%	33.57	1.43
GAS	5%	6%	10%	0.05	1,049,249	16.96%	12.13%	15.21	2.57
NT2	9%	14%	9%	0.24	1,037,942	6.79%	3.06%	20.81	1.45
SAB	7%	5%	7%	0.02	1,450,977	17.17%	12.56%	15.23	2.61
VNM	7%	7%	7%	0.26	4,733,510	26.63%	15.80%	15.19	3.95
QNS	7%	7%	9%	0.27	354,059	23.35%	16.14%	10.56	1.14
QTP	12%	17%	11%	0.04	557,688	10.71%	7.82%	7.02	1.85
VEA	12%	11%	13%	0.00	72,551	25.66%	24.42%	17.58	1.77
PVI	6%	5%	6%	0.02	3,869,502	10.23%	2.49%	12.55	1.77

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.